

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
Số 168/GS./CV-HUD1

Tài chính Riêng đã được soát xét
tháng năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0101043264, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1, S=Hà
Nội, C=VN

Reason: I am the author of this
document

Location: your signing location here

Date: 2024-08-21 09:50:32

Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Mẫu CBTT/SGDCK HCM -02 Quy định 340/QĐ-SGDCKHCM)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên công ty:** Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD1
- Mã chứng khoán:** HU1
- Trụ sở chính:** Số 168 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại:** 024.38687557 **Fax:** 024.38686557

5- Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

6- Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2024.

7- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.hud1.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Công ty riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2024.

- Như kính gửi;
- Lưu VT,HDQT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Lương Công Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Tất Khiêm	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật
	Ông Lê Thanh Hải	Thành viên - Người đại diện pháp luật
	Ông Lê Đắc Hiếu	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Bùi Thái Khanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Thanh Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Vũ Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Số: 205/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, được lập ngày 19 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/6/2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án không biến động số dư qua nhiều năm với giá trị: 4.534.365.051 đồng. Công ty vẫn đang làm việc với Chủ đầu tư về việc thanh quyết toán các công trình này nên chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 kèm theo của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến tính hiện hữu, chính xác của số dư và đánh giá khả năng thu hồi tại ngày 30/6/2024 của khoản phải thu khách hàng với số tiền 2.096.744.584 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng soát xét thích hợp, do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản phải thu nêu trên.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty chưa đánh giá lại khả năng thu hồi đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đại Thiên Lộc có giá gốc là: 13.000.000.000 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng soát xét thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về sự suy giảm của khoản đầu tư trên (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

0101
NG T
IHH
TOÁ
IETN
NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		485.585.645.929	418.175.792.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.100.488.773	2.474.855.862
1. Tiền	111		41.100.488.773	2.474.855.862
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		350.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		355.133.447.622	346.581.251.508
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	110.763.978.558	108.383.419.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	96.491.855.169	98.469.853.662
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	148.204.287.912	140.054.652.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(326.674.017)	(326.674.017)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	67.762.485.985	50.147.998.471
1. Hàng tồn kho	141		67.762.485.985	50.147.998.471
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.239.223.549	18.971.686.412
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	516.539.523	99.961.818
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.481.976.012	18.664.949.453
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	240.708.014	206.775.141
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		142.616.221.013	123.076.708.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.029.001.969	4.496.843.409
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.392.638.333	860.479.773
- Nguyên giá	222		13.903.025.476	11.467.851.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.510.387.143)	(10.607.371.794)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.636.363.636	3.636.363.636
- Nguyên giá	228		3.636.363.636	3.636.363.636
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		106.571.880.083	90.610.688.103
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.6	105.344.506.516	89.810.467.840
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.227.373.567	800.220.263
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	28.015.338.961	27.969.177.136
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.156.000.000	18.156.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.546.161.825	14.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.686.822.864)	(5.686.822.864)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		628.201.866.942	541.252.500.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		491.537.389.474	404.612.291.940
I. Nợ ngắn hạn	310		491.537.389.474	404.612.291.940
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	78.001.052.385	83.129.084.624
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	49.560.606.944	16.507.713.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	14.022.241.081	24.716.643.813
4. Phải trả người lao động	314		-	354.674.230
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	457.353.021	2.847.203.930
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	93.555.244.227	78.397.496.289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	255.541.323.557	198.242.706.893
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		399.568.259	416.768.259
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		136.664.477.468	136.640.208.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	136.664.477.468	136.640.208.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.300.417.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.270.343.903	4.270.343.903
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.093.716.565	9.069.448.058
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>9.069.448.058</i>	<i>8.919.704.015</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>24.268.507</i>	<i>149.744.043</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		628.201.866.942	541.252.500.901

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	47.010.325.158	86.337.472.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		47.010.325.158	86.337.472.918
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	43.264.131.998	81.671.011.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.746.193.160	4.666.461.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.256.469	190.972.871
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.269.585.779	1.496.142.769
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.269.585.779	1.496.142.769
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.538.065.709	3.257.095.796
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		943.798.141	104.195.931
11. Thu nhập khác	31	6.6	278.181.818	-
12. Chi phí khác	32	6.6	1.191.644.325	742.833
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(913.462.507)	(742.833)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		30.335.634	103.453.098
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.067.127	20.839.186
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		24.268.507	82.613.912

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc




Lê Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.335.634	103.453.098
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		175.424.440	94.741.699
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.256.469)	(190.972.871)
- Chi phí lãi vay	06		1.269.585.779	1.496.142.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.470.089.384	1.503.364.695
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.403.155.546)	6.315.194.487
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33.575.679.494)	(8.262.056.971)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		29.390.705.552	(106.828.897.597)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(416.577.705)	(521.574.378)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.022.677.588)	(3.460.870.226)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(689.292.661)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(17.200.000)	(25.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.574.495.397)	(111.969.452.651)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.707.583.000)	(37.898.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(350.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46.161.825)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.256.469	190.972.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.098.488.356)	8.453.074.871
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		95.457.519.990	143.696.463.732
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.158.903.326)	(28.873.815.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.298.616.664	114.822.647.978
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		38.625.632.911	11.306.270.198
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	2.474.855.862	3.879.502.411
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	41.100.488.773	15.185.772.609

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Liễu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Liễu

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101043264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company, Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 5 năm 2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: HU1.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 30/06/2024 là 53 người (tại ngày 31/12/2023 là 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kho bãi, lưu giữ hàng hóa và bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ chăm sóc cây và duy trì cảnh quan; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ thể thao khác;
- Thi công xây lắp các loại công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty không được xác định một cách rõ ràng mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty con	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101	Xây dựng công trình	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1.02	Xây dựng công trình	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	20,0%	20,0%	20,0%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên	Xây dựng, kinh doanh bất động sản	15,0%	15,0%	15,0%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng.

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác, là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu khác

Doanh thu khác là doanh thu từ cung cấp các tiện ích như điện, nước,... cho dự án Bất động sản của Công ty. Doanh thu được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

D.N: C
CỘNG
TN
KIỂM
PA VI
HÀ N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.703.203.398	412.643.021
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.397.285.375	2.062.212.841
Tổng	41.100.488.773	2.474.855.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	110.763.978.558	108.383.419.217
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	52.494.307.427	52.533.907.427
Công ty TNHH Hoàng Gia	6.686.059.790	6.686.059.790
Công ty CP BĐS TM&DV Du lịch Quang Chung	-	9.900.073.477
Công ty Cổ phần Xây dựng và PT CSHT số 9 Hà Nội	21.641.165.846	13.899.229.436
Tổng Công ty CP Đầu tư PT Xây dựng	2.000.000.000	9.443.002.568
Phải thu khách hàng mua nhà	14.054.666.946	14.237.932.037
Các đối tượng khác	13.887.778.549	1.683.214.482
Tổng	110.763.978.558	108.383.419.217

*Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

-

371.377.000

5.3 Trả trước cho người bán

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	96.491.855.169	98.469.853.662
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (*)	34.409.201.316	34.409.201.316
Công ty TNHH Đầu tư Khang Thái	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	10.019.571.178	10.019.571.178
Công ty CP CDC Hà Nội	31.225.606.199	31.225.606.199
Công ty TNHH TM Đại Nam 68	2.501.745.000	2.501.745.000
Công ty TNHH Huy Hồng	3.241.461.395	3.241.461.395
Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Chiến	1.991.890.000	1.991.890.000
Các đối tượng khác	13.102.380.081	15.080.378.574
Tổng	96.491.855.169	98.469.853.662

*Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan**(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

44.428.772.494

44.428.772.494

(*) Khoản phải thu HD1.02 sẽ được Công ty đối trừ với tài sản trên đất và quyền sử dụng đất của Công ty HUD1.02, là lô đất số 1 lô J phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện Công ty HUD1 đang sử dụng tài sản này để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	148.204.287.912	-	140.054.652.646	-
Tạm ứng (*)	136.583.452.062	-	129.456.557.439	-
Bảo hiểm Xã hội	835.567.801	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Ban quản lý kè đê biển chắn sóng	3.384.709.139	-	3.384.709.139	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.834.980.000	-	1.834.980.000	-
Dự án 176 Định Công	1.627.521.823	-	2.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	3.938.057.087	-	3.378.406.068	-
Tổng	148.204.287.912	-	140.054.652.646	-

(*) Tạm ứng cho các chủ nhiệm các Đội thi công công trình

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	326.674.017	-	326.674.017	-

Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:

	Quá hạn trên 3 năm VND
Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh	169.547.000
Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bao bì (Packexim)	157.127.017
Tổng	326.674.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Hàng tồn kho	67.762.485.985	-	50.147.998.471	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	67.762.485.985	-	50.147.998.471	-
b) Tài sản dở dang dài hạn	105.344.506.516	-	89.810.467.840	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	105.344.506.516	-	89.810.467.840	-
Tổng	173.106.992.501	-	139.958.466.311	-

(i) Trong đó chi tiết các công trình dở dang:

	Đơn vị tính: VND	
	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	67.762.485.985	50.147.998.471
Hoàn thiện mặt ngoài LK28 KĐT Kim Chung	9.518.847	3.834.390.488
Công trình kè biển - Gói thầu ND2.7	6.190.571.214	3.904.858.132
Nhà ở học sinh sinh viên A5 - A6	32.056.709.364	32.056.709.364
Các công trình khác	29.505.686.560	10.352.040.487
b) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	105.344.506.516	89.810.467.840
Dự án 176 Định Công	104.158.216.822	88.640.838.146
Dự án khác	1.186.289.694	1.169.629.694
Tổng	173.106.992.501	139.958.466.311

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	516.539.523	99.961.818
Chi phí ngắn hạn khác	516.539.523	99.961.818
Tổng	516.539.523	99.961.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	4.117.345.021	2.407.727.272	4.864.544.910	78.234.364	11.467.851.567
Tăng trong kỳ	-	-	3.707.583.000	-	3.707.583.000
Mua trong kỳ	-	-	3.707.583.000	-	3.707.583.000
Giảm trong kỳ	-	-	1.272.409.091	-	1.272.409.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.272.409.091	-	1.272.409.091
Số dư tại 30/06/2024	4.117.345.021	2.407.727.272	7.299.718.819	78.234.364	13.903.025.476
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	3.282.130.583	2.407.727.272	4.864.544.910	52.969.029	10.607.371.794
Tăng trong kỳ	81.499.440	-	84.450.502	9.474.498	175.424.440
Khấu hao trong kỳ	81.499.440	-	84.450.502	9.474.498	175.424.440
Giảm trong kỳ	-	-	1.272.409.091	-	1.272.409.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.272.409.091	-	1.272.409.091
Số dư tại 30/06/2024	3.363.630.023	2.407.727.272	3.676.586.321	62.443.527	9.510.387.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2024	835.214.438	-	-	25.265.335	860.479.773
Số dư tại 30/06/2024	753.714.998	-	3.623.132.498	15.790.837	4.392.638.333

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 753.714.998 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 875.964.168 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 6.624.226.278 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 7.896.635.369 đồng).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có diện tích 290m² tại số 1 lô J, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 theo hình thức đối trừ công nợ được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 02/11/2023. Giá trị chuyển nhượng: 3.636.363.636 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT88874 ngày 26/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDISố 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà NộiMẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư Công ty con						
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	51%	51%	18.156.000.000	(*)	(5.268.255.838)	(5.268.255.838)
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD 1.02 (i)	51%	51%	5.406.000.000	(*)	-	-
			12.750.000.000	(*)	(5.268.255.838)	(5.268.255.838)
b) Đầu tư Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	20%	20%	1.000.000.000	(*)	(418.567.026)	(418.567.026)
c) Đầu tư dài hạn khác						
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (ii)			14.546.161.825	(*)	(418.567.026)	(418.567.026)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên (iii)			13.000.000.000	(*)	-	-
			1.546.161.825	(*)	-	-
Tổng			33.702.161.825	(*)	(5.686.822.864)	(5.686.822.864)

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, được sự hỗ trợ từ Công ty mẹ, Công ty HUD1.02 đang thực hiện công tác kiện toàn nhân sự để thực hiện quyết toán các công trình dở dang, thu hồi công nợ cũng như đảm nhận công tác thầu phụ cho Công ty mẹ trong một số dự án đang triển khai.

(ii): Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTDT ngày 19/5/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc về việc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc tại xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay Công ty đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án và tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 13,5 tỷ đồng.

(iii): Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401101725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15/12/2022. Trụ sở: Số 485 đường Hùng Vương, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vốn điều lệ: 138.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là 15% Vốn điều lệ, tương đương 41.400.000.000 đồng. Số vốn HUD1 đã góp đến 31/12/2023: 1.500.000.000 đồng. Số vốn góp của các cổ đông sẽ tiếp tục thực hiện theo tiến độ của dự án Khu dân cư phía Tây đường Lê Duẩn, thành phố Tuy Hòa, hiện tại dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	78.001.052.385	78.001.052.385	83.129.084.624	83.129.084.624
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế kỹ thuật Logik	18.630.132.901	18.630.132.901	22.329.644.014	22.329.644.014
Công ty TNHH MTV Tây Bắc- Chi nhánh Sơn Tây	4.057.810.364	4.057.810.364	4.375.484.270	4.375.484.270
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	5.805.459.584	5.805.459.584	5.805.459.584	5.805.459.584
Công ty TNHH MTV DV Nhà ở và Khu đô thị	3.919.775.671	3.919.775.671	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	5.927.502.634	5.927.502.634	5.927.502.634	5.927.502.634
Các đối tượng khác	39.660.371.231	39.660.371.231	44.690.994.122	44.690.994.122
Tổng	78.001.052.385	78.001.052.385	83.129.084.624	83.129.084.624
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>7.088.483.123</i>	<i>7.088.483.123</i>	<i>3.857.153.739</i>	<i>3.857.153.739</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>				

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	15.431.531.091	8.294.920.944
Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa	1.542.581.220	3.042.581.220
Tổng công ty ĐT PT Đường Cao tốc Việt Nam	27.489.845.706	-
Các đối tượng khác	5.096.648.927	5.170.211.738
Tổng	49.560.606.944	16.507.713.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Phải thu	206.775.141	33.932.873	-	240.708.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
nộp thừa	206.775.141	33.932.873	-	240.708.014
	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Phải nộp	24.716.643.813	1.659.560.152	12.353.962.884	14.022.241.081
Thuế giá trị gia tăng	23.593.701.144	-	10.676.684.936	12.917.016.208
Thuế thu nhập cá nhân	96.956.280	61.588.185	79.305.981	79.238.484
Các loại thuế khác	-	1.160.388.967	1.160.388.967	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.025.986.389	437.583.000	437.583.000	1.025.986.389

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	457.353.021	2.847.203.930
Chi phí lãi vay	218.367.930	218.367.930
Trích trước chi phí dự án 176 Định Công	238.985.091	2.628.836.000
Tổng	457.353.021	2.847.203.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	93.555.244.227	78.397.496.289
Kinh phí công đoàn	39.775.712	114.113.200
Bảo hiểm thất nghiệp	3.009.304	11.530.256
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	93.512.459.211	78.271.852.833
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>38.681.752.218</i>	<i>31.234.519.175</i>
<i>Tạm thu phí bảo trì dự án 176 Định Công</i>	<i>37.716.983.735</i>	<i>37.689.897.827</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>17.113.723.258</i>	<i>9.347.435.831</i>
Tổng	93.555.244.227	78.397.496.289

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI
Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	255.541.323.557	255.541.323.557	95.457.519.990	38.158.903.326	198.242.706.893	198.242.706.893
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	71.966.321.561	71.966.321.561	47.382.517.994	34.141.290.985	58.725.094.552	58.725.094.552
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	4.017.612.341	4.017.612.341	4.017.612.341
Vay cá nhân (ii)	11.575.001.996	11.575.001.996	8.575.001.996	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Đô thị Hà Nội (iii)	172.000.000.000	172.000.000.000	39.500.000.000	-	132.500.000.000	132.500.000.000
Tổng	255.541.323.557	255.541.323.557	95.457.519.990	38.158.903.326	198.242.706.893	198.242.706.893

- (i): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135016/HĐTD ngày 22/11/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 200 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C tối đa tại mọi thời điểm là 60 tỷ đồng, bao gồm hạn mức thế tín dụng doanh nghiệp là 300 triệu đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/11/2024. Lãi suất cho vay và kỳ hạn trả nợ lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Tài sản thế chấp gồm: Phương tiện vận tải và tài sản là quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (ii): Khoản vay các cá nhân là cán bộ nhân viên Công ty HUDI, lãi suất 0%. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.
- (iii): Hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐ/ĐTHN-HUDI ngày 15/01/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 1.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 18/01/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI
Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iii): Hợp đồng vay vốn số 02.2024/HĐ/ĐTHN-HUDI ngày 15/04/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 3.500.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 19/04/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.

Hợp đồng vay vốn số 03.2024/HĐ/ĐTHN-HUDI ngày 03/06/2024 với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Hà Nội (HURI). Số tiền vay: 47.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay. Thời hạn vay: không kỳ hạn. Lãi suất: 0,2%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 11/07/2024, bên Vay đã được giải ngân đủ số vốn vay. Đây là khoản vay không có tài sản thế chấp.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	11.919.704.015	139.490.464.918
Tăng trong năm	-	-	-	(2.850.255.957)	(2.850.255.957)
Lãi trong năm trước	-	-	-	149.744.043	149.744.043
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	9.069.448.058	136.640.208.961
Số dư tại 01/01/2024	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	9.069.448.058	136.640.208.961
Tăng trong kỳ	-	-	-	24.268.507	24.268.507
Lãi trong kỳ	-	-	-	24.268.507	24.268.507
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	100.000.000.000	23.300.417.000	4.270.343.903	9.093.716.565	136.664.477.468



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vũ Nhật Tuấn	51.000.000.000	51.000.000.000
Cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.270.343.903	4.270.343.903
Tổng	4.270.343.903	4.270.343.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu xây lắp	34.848.766.453	68.657.545.869
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.648.063.343	4.527.501.105
Doanh thu hoạt động khác	8.513.495.362	13.152.425.944
Tổng	47.010.325.158	86.337.472.918

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn xây lắp	34.114.362.950	67.562.782.133
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.385.037.976	4.563.076.199
Giá vốn hoạt động khác	5.764.731.072	9.545.152.961
Tổng	43.264.131.998	81.671.011.293

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	5.256.469	190.972.871
Tổng	5.256.469	190.972.871

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	1.269.585.779	1.496.142.769
Tổng	1.269.585.779	1.496.142.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.538.065.709	3.257.095.796
Chi phí nhân viên quản lý	338.345.892	2.038.701.388
Chi phí khấu hao CCDC, TSCĐ	45.486.969	94.741.699
Thuế, phí và lệ phí	13.568.783	84.086.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.093.307.625	1.039.132.013
Chi phí bằng tiền khác	47.356.440	434.104

6.6 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	278.181.818	-
Tổng	278.181.818	-
Chi phí khác		
Các khoản chậm nộp thuế	1.143.820.184	742.833
Các khoản chi phí khác	47.824.141	-
Tổng	1.191.644.325	742.833
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(913.462.507)	(742.833)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận trước thuế	30.335.634	103.453.098
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng	-	742.833
<i>Tiền phạt chậm nộp thuế</i>	-	742.833
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30.335.634	104.195.931
Thu nhập chịu thuế	30.335.634	104.195.931
Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	219.207.254	(109.603.440)
Thu nhập từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	(188.871.620)	213.799.371
Thuế suất hiện hành		
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.067.127	20.839.186
Từ kinh doanh bất động sản	-	-
Từ hoạt động xây dựng và hoạt động khác	6.067.127	20.839.186

6.8 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	10.753.646.510	19.901.935.394
Chi phí nhân công	8.613.581.265	4.947.496.378
Chi phí máy thi công	402.557.400	2.452.709.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.486.969	94.741.699
Thuế phí, lệ phí	13.568.783	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.032.268.357	59.311.209.053
Chi phí khác bằng tiền	5.863.935.490	434.104
Tổng	77.725.044.774	86.708.526.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối liên hệ với Công ty</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD101	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Phú Yên	Công ty liên kết
Thành viên chủ chốt của Công ty: Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt Công ty	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</u>
Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản Trị			
Dương Tất Khiêm	Chủ tịch HĐQT	147.476.045	192.728.352
Lê Thanh Hải	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	166.975.815	324.852.372
Tổng		314.451.860	517.580.724
Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát			
Bùi Thái Khanh	Trưởng ban	44.485.625	45.873.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	90.940.068	91.116.144
Lê Phương Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02/07/2023)	-	15.775.100
Tổng		135.425.693	152.764.244
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Trần Vũ Anh	Phó Tổng Giám đốc	134.323.087	188.030.784
Lương Công Tú	Người công bố thông tin	74.977.287	81.364.176
Vũ Thị Hồng Liễu	Kế toán trưởng	99.831.550	-
Tổng		309.131.924	269.394.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Chi phí thi công	387.225.000	936.132.527
Tổng			387.225.000	936.132.527

d. Số dư với các bên liên quan

Phải thu khách hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Tiền bán chung cư	-	371.377.000
Tổng			-	371.377.000

Phải trả người bán	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Phải trả người bán	3.958.322.096	-
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Phải trả người bán	3.130.161.027	3.857.153.739
Tổng			7.088.483.123	3.857.153.739

Trả trước cho người bán	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Thi công xây dựng	10.019.571.178	10.019.571.178
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Thi công xây dựng	34.409.201.316	34.409.201.316
Tổng			44.428.772.494	44.428.772.494

Các khoản phải thu khác	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Công ty con	Tiền cổ tức và phải thu khác	432.480.000	432.480.000
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Tiền cổ tức	1.402.500.000	1.402.500.000
Tổng			1.834.980.000	1.834.980.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Hồng Liễu

Vũ Thị Hồng Liễu

Lê Thanh Hải

